TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **114**/2019/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 24 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Lê Xuân H, sinh năm 1982 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Số 81 đường T, phường M, quận Ng, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân H và bà Đặng Thị L kết hôn năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống, suy nghĩ và cư xử lại trái ngược nhau, không tôn trọng nhau nên từ đó thường xuyên cãi vã nhau, lạnh nhạt tình cảm với nhau, hiện đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2019 đến nay không ai quan tâm gì

đến nhau.Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia dình khuyên giải nhưng không được. Nay ông H và bà L xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: ông H và bà L xác định có 01 con chung tên Lê Hạ Tuyết S- sinh ngày 13/4/2010.Thuận tình ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HN&GĐ chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: ông H và bà L xác định không có

[4] Về nợ chung: ông H và bà L xác định không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông H và bà L mỗi người chịu 1/2 là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009690 ngày 27/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân H và bà Đặng Thị L thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao con Lê Hạ Tuyết S- sinh ngày 13/04/2010 cho cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông H và bà L xác định không có

- Về nợ chung: ông H và bà L xác định không có.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông H và bà L mỗi người chịu 1/2 là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009690 ngày 27/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Hòa Hải, quậnNgũ Hành Sơn, TP ĐN.
(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2008,
đăng ký ngày 25/01/2008).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Đã ký

Lương Thị Anh